CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng

cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 08-NQ/CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định toàn diện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chính phủ nhằm quán triệt và chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị, hướng tới phát triển bền vững đất nước.

2. Chương trình hành động của Chính phủ được thực hiện đến năm 2025, làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 56-KL/TW và Nghị quyết số 24-NQ/TW.

3. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mở mới giai đoạn đến năm 2025.

4. Đến năm 2025, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành và thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, nhất là khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên; giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường

độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn 2015 - 2020. Chủ động phòng, chống triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và các thành phố ven biển khác.

- Giảm 7,3% phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường (BAU); đạt mức tiết kiệm năng lượng 5,0 - 7,0% tổng tiêu thụ năng lượng.

b) Về quản lý tài nguyên:

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng. Hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính; 85% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000; 80% diện tích vùng biển và hải đảo được bay đo từ trọng lực tỷ lệ 1:250.000; 30% diện tích được điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000.

- Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia. Bảo đảm 80% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu của các lưu vực sông; 70% lưu vực sông lớn, quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Từng bước kiềm chế xu hướng ô nhiễm môi trường không khí ở các đô thị lớn; 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý. Bảo đảm 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% đối với các đô thị từ loại V trở lên được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

- Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, đi-ô-xin; 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Bảo đảm độ che phủ rừng được duy trì ở mức 42%; 13 khu đất ngập nước Ramsar, 12 khu dự trữ sinh quyển được thành lập và công nhận. Tăng diện tích các khu đất ngập nước quan trọng được bảo vệ; có ít nhất 10 loài nguy cấp được đưa vào chương trình bảo vệ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục đưa nội dung về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Trung ương và địa phương.

- Xây dựng và thực hiện tiêu chí, chuẩn mực về môi trường trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội.

- Phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hàng năm đối với các địa phương, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện cơ chế để thực hiện minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng, liên tỉnh; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách chuyển đổi sang kinh tế số; phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh quản trị môi trường trong các doanh nghiệp.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo sự bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao năng lực, cung cấp, đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường, đặc biệt cho các địa phương.

- Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo và tiết kiệm nguồn lực.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm về tài nguyên và môi trường.

- Cung cấp, công khai, minh bạch thông tin, thực hiện hiệu quả công tác giám sát của cộng đồng và phản biện xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin, mạng xã hội, tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả của các đường dây nóng... nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật trong quản lý tài nguyên và môi trường.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Triển khai thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, khuyến khích ứng dụng các kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT).

- Thực hiện đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, viễn thám, công nghệ thông tin và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục phát triển các chuyên ngành khoa học về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tái chế chất thải, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

- Rà soát, đánh giá tổng thể các chương trình khoa học và công nghệ, lồng ghép các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia phù hợp trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao năng lực, tăng cường quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường thống nhất, đồng bộ, liên tục được cập nhật; xây dựng và vận hành cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan.

đ) Đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng cách tiếp cận dựa vào thị trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phân bổ sử dụng nguồn lực tài nguyên theo cơ chế thị trường.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và triển khai áp dụng các công cụ kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, thị trường các-bon, các hình thức đối tác công tư (PPP), tín dụng xanh, trái phiếu xanh; tiếp tục triển khai thực hiện xã hội hóa để huy động đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách.

e) Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế, các hoạt động hợp tác, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong úng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp triển khai thực hiện các quy định về tài nguyên và môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia.

- Tiếp tục thực hiện việc hợp tác với các đối tác phát triển, các quỹ tài chính quốc tế để huy động nguồn lực, tiếp nhận công nghệ tiên tiến về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

g) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Phổ biến, quán triệt quan điểm, nhận thức về đặt yêu cầu phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; coi môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tập trung sửa đổi Luật Đất đai năm 2013, Luật Khoáng sản năm 2010, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật về khí tượng thủy văn, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, đa dạng sinh học...; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành; nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng luật về biến đổi khí hậu.

- Tổng kết, đánh giá và xây dựng các chiến lược quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý tổng hợp chất thải rắn...; xây dựng chiến lược sử dụng đất, chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch liên quan đến phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; các hợp phần tài nguyên, môi trường trong các quy hoạch cấp quốc gia, vùng và tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

- Xem xét, sửa đổi quy định theo hướng cho phép thanh tra, kiểm tra đột xuất trong lĩnh vực môi trường; cắt giảm các thủ tục hành chính trong hoạt động thanh tra.

- Rà soát, điều chỉnh các quy định xử lý vi phạm theo hướng nâng mức xử phạt, bảo đảm đủ sức răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; quản lý, sử dụng đất; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi; khai thác rừng trái phép trên phạm vi cả nước.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

a) Tiếp tục xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng và phát triển năng lực nghiên cứu, ưu tiên nghiên cứu cơ bản về thiên tai; phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng; ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại. Xây dựng và thực hiện các chương trình phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hệ thống quan trắc tai biến địa chất và phòng chống thiên tai; tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống giám sát bờ sông, bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng công nghệ viễn thám.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (EbA), dựa vào cộng đồng (CbA) và dựa vào tự nhiên (NbS).

b) Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn

- Đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu theo vùng, miền; cập nhật các bản đồ nguy cơ ngập lụt theo kịch bản nước biển dâng đến cấp xã.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Rà soát đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 - 2020", đề xuất thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2030.

- Đầu tư các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch, nghiên cứu xử lý nước mặn thành nước ngọt trên quy mô lớn, đồng thời chuyển đổi việc sử dụng nước dưới đất sang sử dụng nước mặt; thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long.

c) Giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái

- Thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần; từng bước thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp địa phương, cấp ngành, lĩnh vực và cấp cơ sở có liên quan, trước mắt thực hiện cho các cơ sở phát thải lớn.

- Áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính; khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường; chuẩn bị cho việc triển khai các công cụ định giá các-bon, hình thành và triển khai thị trường các-bon, thuế, phí các-bon.

- Triển khai thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thiết lập hệ thống giám sát, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính ở cấp quốc gia và cấp ngành.

- Thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu quốc gia, của các ngành, địa phương và các kế hoạch có liên quan.

- Triển khai thực hiện các hoạt động quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải.. đặc biệt đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng

điểm và các hộ gia đình. Thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (REDD+); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 theo Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Cập nhật, cụ thể hóa Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xây dựng và cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai của cả nước và chi tiết đến từng vùng, miền, địa phương.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; rà soát, hỗ trợ di dời dân cư ra khỏi các vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở núi, đất và các nguy cơ thiên tai khác.

- Khẩn trương hoàn thành các công trình chống ngập đang thi công ở Thành phố Hồ Chí Minh; bổ sung các giải pháp dần hình thành hệ thống chống ngập đồng bộ, hiệu quả. Triển khai các giải pháp chống ngập cho vùng lõi thành phố Cần Thơ.

- Đầu tư hoàn thiện và nâng cấp hệ thống đê biển, các công trình chống sạt lở ven sông, ven biển, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long.

- Tiếp tục đầu tư, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị hạn hán, úng ngập nặng, nhất là ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ thực hiện NDC của Việt Nam đến năm 2030; cập nhật định kỳ 5 năm theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

3. Các nhiệm vụ về quản lý tài nguyên

a) Đối với tài nguyên đất đai

- Tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, đánh giá đầy đủ tiềm năng đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất theo quy định của Luật Đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai toàn quốc.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; chú trọng sử dụng không gian ngầm. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch sử dụng đất. Xây dựng bộ tiêu chí, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá quản lý và sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bền vững.

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai, phát huy tiềm năng đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện quản lý, khai thác nguồn thu từ đất, phát triển kinh tế đất. Xây dựng cơ chế điều tra thu thập, theo dõi, cập nhật biến động giá đất trên thị trường; xây dựng lưới giá đất, thửa đất chuẩn, thông tin giá đất thị trường và bản đồ giá đất; xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất đến từng thửa đất.

- Bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, giảm thiểu và cải tạo phục hồi đất bị thoái hóa.

b) Đối với tài nguyên nước

- Thực hiện quy hoạch, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra. Xây dựng và thực hiện Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia.

- Điều hòa, phân bổ nguồn nước cho các mục đích sử dụng bằng công cụ quan trắc, giám sát tự động trên cơ sở các quy hoạch và hạn ngạch cấp phép khai thác, sử dụng nguồn nước.

- Theo dõi, đánh giá, dự báo, thực hiện các giải pháp chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn, ưu tiên những vùng bị ảnh

hưởng nặng; thực hiện các giải pháp tổng thể để tăng cường khả năng trữ nước của những vùng thường xuyên bị hạn hán; nghiên cứu, điều tra khả năng bổ cập nước nhân tạo tại các khu vực thích hợp.

- Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất; tiếp tục triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; phòng chống sụt lún, sạt lở, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống tác hại do nước gây ra.

- Nghiên cứu, thúc đẩy cơ chế chia sẻ, giải quyết tranh chấp, xung đột tài nguyên nước xuyên biên giới theo các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Tiếp tục điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; thăm dò, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thiết lập tài khoản quốc gia về các loại khoáng sản quan trọng. Thực hiện thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản trên phạm vi toàn quốc.

- Thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; thực hiện chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản; dự trữ, nhập khẩu khoáng sản quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước.

- Điều tra, đánh giá về tài nguyên địa chất, tai biến địa chất phục vụ xây dựng các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các đô thị ven biển; đánh giá tiềm năng cấu trúc địa chất để lưu giữ khí nhà kính và các loại chất thải.

- Lập bản đồ địa chất Đệ Tứ tỷ lệ 1:50.000 đi kèm bản đồ địa chất công trình - địa chất thủy văn phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất; đánh giá các di sản địa chất phục vụ việc bảo tồn.

d) Đối với tài nguyên biển

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của

Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển và hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát tổng hợp và thống nhất tài nguyên và môi trường biển.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, tập trung xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia; đầu tư phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị, biến động tài nguyên biển, nguồn lợi thủy sản.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn tình trạng đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt, không theo mùa vụ, khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

đ) Đối với năng lượng mới, năng lượng tái tạo và vật liệu mới

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

- Thực hiện hợp tác thăm dò, khai thác tài nguyên từ bên ngoài phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

e) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia. Hoàn thành việc điều tra và xây dựng bản đồ tài nguyên nước mặt và nước ngầm; tập trung điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000, tỷ lệ 1:50.000 cho các vùng khan hiếm nước, thiếu nước và tỷ lệ 1:25.000 cho một số vùng trọng điểm; xây dựng và thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia.

- Thực hiện các biện pháp tích nước, điều hòa, phân bổ, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; phát triển thủy lợi, giảm thất thoát, nâng cao khả năng tưới, tiêu, áp dụng các biện pháp canh tác tiết kiệm nước ở các vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Tích cực đàm phán, hợp tác với các quốc gia thượng nguồn để bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

- Thực hiện các giải pháp quản lý bảo vệ rừng tự nhiên; nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế cho phép kết hợp khai thác các giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có rừng.

4. Các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường

a) Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường

- Thực hiện quản lý theo giấy phép môi trường để kiểm soát ô nhiễm. Đẩy nhanh tiến độ xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; ban hành quy định về khoảng cách an toàn môi trường; rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư tập trung.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí cấp quốc gia và địa phương; đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc môi trường không khí; tăng diện tích cây xanh, công viên trong các đô thị và khu dân cư.

- Tiếp tục thực hiện bảo vệ môi trường nước mặt, đặc biệt đối với các lưu vực sông cầu, sông Nhuệ - Đáy và hệ thống sông Đồng Nai; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường quản lý chất thải rắn. Hoàn thiện quy định trách nhiệm của nhà sản xuất, phân phối trong thu hồi, tái chế các sản phẩm thải bỏ; phát triển thị trường trao đổi sản phẩm tái chế.

- Nâng cao năng lực ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu và các hóa chất độc hại; xử lý có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân

- Thực hiện các dự án bảo vệ, phục hồi, cải tạo, bổ sung không gian, mặt nước trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các ao, hồ, kênh, mương, sông.

- Triển khai xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên cả nước; tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật, các khu vực ô nhiễm chất độc đi-ô-xin, đẩy nhanh tiến độ rà phá bom, mìn còn sót sau chiến tranh.

- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường biển, vùng ven biển, hải đảo, nhất là các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biên, khu du lịch, bãi tắm, khu nuôi trồng thủy sản.

- Thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp về cung cấp nước sạch trong Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhất là cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số.

c) Bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên; dừng chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên; tăng cường giao rừng cho cộng đồng. Tổ chức xây dựng và thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Thực hiện trồng rừng, nhất là rừng đầu nguồn lưu vực sông, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển. Thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực, để phòng, chống cháy rừng. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng; triển khai hiệu quả Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2030 phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế.

- Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên; tiếp tục xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái, phát triển du lịch sinh thái. Phục hồi các hệ sinh thái quan trọng bị suy thoái, đặc biệt là các vùng đất ngập nước, các rạn san hô và thảm cỏ biển.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật. Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Xây dựng quy định tiêu chí môi trường để lựa chọn, quyết định đầu tư phát triển. Phân loại các dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chủ động phòng ngừa, kiểm soát nhóm các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

- Hoàn thiện quy định pháp luật, bổ sung đánh giá tác động môi trường sơ bộ đối với các dự án có tác động môi trường cao; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện phân vùng môi trường để có biện pháp quản lý chất lượng môi trường sống, sinh thái và cảnh quan.

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có quy mô xả thải lớn; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho cơ quan quản lý môi trường.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý rác thải nhựa theo hướng hạn chế sản xuất, nhập khẩu và sử dụng các sản phẩm có chứa vi nhựa, sản phẩm nhựa sử dụng một lần; thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định hướng hội nhập, nâng cao chất lượng môi trường. Kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa việc đưa chất thải trái phép, công nghệ, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu vào nước ta.

- Tập trung xử lý ngay ô nhiễm môi trường ở các thành phố lớn. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí, đầu tư xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt ở các làng nghề; xây dựng và thực hiện các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu phí theo khối lượng chất thải phát sinh; thiết lập hệ thống thu gom, xử lý chất thải đồng bộ; tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn; kiểm soát và quản lý hiệu quả chất thải nguy hại, chất thải y tế. Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm tại các bãi thải xung quanh Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, không để người dân sinh sống tại khu vực lân cận bức xúc, khiếu kiện do ô nhiễm bãi thải gây ra.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải; đẩy mạnh xã hội hóa công tạc thu gom, xử lý chất thải.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch được phê duyệt tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ban hành tại Nghị quyết 08-NQ/CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 được tiếp tục triển khai đến khi hoàn thành. Đối với các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch kết thúc năm 2020, các bộ ngành, địa phương có trách nhiệm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện.

Trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể trong Danh mục kèm theo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW, Nghị quyết số 24-NQ/TW và Nghị quyết này của Chính phủ, kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả cao nhất.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, ngành, cơ quan, địa phương đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Nghị quyết và chính sách, pháp luật phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư để thực hiện Nghị quyết (nếu có), Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện Nghị quyết. Các bộ, cơ quan trung ương chủ động cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc Nghị quyết này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, quyết định.

DANH MỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN
Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị
(Ban hành kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021)

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	**Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án đã được phê duyệt**				
1	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai 2013	Luật	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
2	Xây dựng Chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
3	Xây dựng Chiến lược phát triển ngành đo đạc bản đồ Việt Nam và hạ tầng không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
4	Xây dựng Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
5	Xây dựng Chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030	Chiến lược	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6	Xây dựng Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
7	Xây dựng Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
8	Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược khoáng sản giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
9	Xây dựng Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
10	Xây dựng Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
11	Xây dựng Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
12	Xây dựng Chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
13	Xây dựng Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
14	Xây dựng Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
15	Xây dựng Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
16	Xây dựng Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
17	Xây dựng Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2022
18	Xây dựng Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
19	Xây dựng Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
20	Xây dựng Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
21	Xây dựng 03 Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San, Srêpok thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	03 Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
22	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
23	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
24	Xây dựng Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
25	Xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	2022
26	Xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	2021
27	Xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
28	Xây dựng Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
29	Xây dựng Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
30	Xây dựng Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2022

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
31	Xây dựng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
32	Xây dựng Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
33	Xây dựng Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
34	Xây dựng Chương trình hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam đến năm 2030	Chương trình	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
35	Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
36	Xây dựng Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
37	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
38	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước giai đoạn 2020 - 2025	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
39	Xây dựng Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
40	Xây dựng Đề án tổng kết thi hành Luật Đất đai 2013	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
41	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
42	Xây dựng Đề án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất dai	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
43	Kiểm kê chuyên đề về quản lý, sử dụng đất đối với khu công nghiệp; khu chế xuất; khu kinh tế; khu công nghệ cao; sân golf; các cảng hàng không, sân bay dân dụng; đất của đồng bào dân tộc; các tổ chức tôn giáo	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
44	Điều tra, khảo sát và đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc tái sử dụng, tái chế chất thải trong các lĩnh vực có liên quan đến mô hình kinh tế chia sẻ	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
45	Xây dựng Đề án kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
46	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực môi trường	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
II	**Nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mở mới**				
1	Tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Báo cáo đánh giá	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2024
2	Nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng Luật Biến đổi khí hậu	Báo cáo nghiên cứu	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
3	Sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn	Luật	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2023
4	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản 2010	Luật	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
5	Sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Luật	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2023
6	Sửa đổi, bổ sung Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010	Luật	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và địa phương	2025
7	Sửa đổi, bổ sung Luật Đa dạng sinh học 2008	Luật	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2023
8	Xây dựng Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
9	Tổng kết, đánh giá, xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn giai đoạn 2026 - 2035	Chiến lược	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2025
10	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2022
11	Xây dựng 07 Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Ba; Mã; Vu Gia - Thu Bồn; Hương; Cả; Trà Khúc; Kôn - Hà Thanh	07 Quy hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2024
12	Xây dựng Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Chương trình	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2023
13	Rà soát và xây dựng các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Chương trình	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành và địa phương	2021
14	Xây dựng Chương trình hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khu vực tư nhân áp dụng các mô hình kinh doanh bền vững, bao trùm, công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Chương trình	Bộ KH&ĐT	Các bộ, ngành và địa phương	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
15	Xây dựng Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2025	Chương trình	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
16	Xây dựng Chương trình phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; sắp xếp dân cư vùng rủi ro thiên tai cao giai đoạn 2021 - 2025	Chương trình	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
17	Xây dựng Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững giai đoạn 2021 -2025	Chương trình	Bộ TN&MT	Bộ KH&CN, các bộ, ngành liên quan	2021
18	Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về biển, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025	Chương trình	Bộ KH&CN	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
19	Xây dựng Chương trình kiểm soát và giảm thiểu tác động của cây mai dương (Mimosa Pigra)	Chương trình	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2023
20	Xây dựng Kế hoạch quản lý loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính của Việt Nam	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2023
21	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Kế hoạch	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
22	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương	2021
23	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực và hiệu quả công tác thanh tra ngành tài nguyên và môi trường	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
24	Xây dựng Đề án Phát triển hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám (trong đó có kế hoạch phát triển trạm thu)	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2025
25	Xây dựng Đề án tổng thể phòng, chống thiên tai khu vực miền Trung và Tây Nguyên	Đề án	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành liên quan và các địa phương khu vực miền Trung và Tây Nguyên	2021
26	Xây dựng Đề án tổng thể phòng, chống thiên tai khu vực miền núi phía Bắc	Đề án	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành liên quan và các địa phương miền núi phía Bắc	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
27	Xây dựng Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030	Đề án	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	2021
28	Xây dựng Đề án phát triển hợp tác xã nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long 2020 - 2022	Đề án	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành liên quan và địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long	2021
29	Đề án hiện đại hóa ngành khí tượng thủy văn đến năm 2025	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
30	Đề án "Thuê dịch vụ đo mưa tự động phục vụ công tác dự báo khí tượng thủy văn, đặc biệt là mưa, lũ theo phương thức thuê bao khai thác dữ liệu"	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2022
31	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu địa chất và công nghệ quản trị thông minh hệ thống không gian ngầm đô thị ở Việt Nam	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
32	Xây dựng Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2022
33	Xây dựng Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương	2021

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
34	Xây dựng Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Đề án	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
35	Xây dựng Đề án phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
36	Xây dựng Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2021
37	Xây dựng Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025	Đề án	Bộ NN&PTNT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2025
38	Xây dựng Đề án xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về biển và hải đảo	Đề án	Bộ TN&MT	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2022
39	Xây dựng Đề án quy hoạch hệ thống và tổ chức lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường có tính liên ngành, liên vùng	Đề án	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2022